

# Quy trình đảm bảo chất lượng các chương trình đào tạo tại Đại học Huế theo tiêu chuẩn AUN-QA

Nguyễn Hồng Giang<sup>1,\*</sup>, Nguyễn Hồng Sơn<sup>2</sup>

<sup>1</sup>*Trung tâm Đảm bảo Chất lượng Giáo dục, Đại học Huế*

<sup>2</sup>*Trường Đại học Luật, Đại học Huế*

Nhận ngày 26 tháng 5 năm 2016

Chỉnh sửa ngày 08 tháng 9 năm 2016; Chấp nhận đăng ngày 15 tháng 03 năm 2017

**Tóm tắt:** Bài báo trình bày kết quả nghiên cứu về đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo, sau khi hệ thống các khái niệm chính về đảm bảo chất lượng, chuẩn đầu ra và đánh giá chương trình của AUN-QA (ASEAN Universities Network - Quality Assurance), đánh giá thực trạng các chương trình đang đào tạo hiện hành, tác giả đã đề xuất quy trình để áp dụng chung trong toàn Đại học Huế. Quy trình này bao gồm: đảm bảo chất lượng chuẩn đầu ra, đầu vào, quá trình, đầu ra và phân hồi từ nhu cầu các bên liên quan nhằm giúp cho Đại học Huế (ĐHH) triển khai đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo trong thời kì hội nhập nói chung và cho các khoa/bộ môn áp dụng khi triển khai xây dựng/điều chỉnh chương trình đào tạo, chương trình học phần nói riêng. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu này cũng giúp cho nhà quản lí, giảng viên có thể tham khảo và áp dụng vào trong công tác quản lí và dạy học của mình.

*Từ khóa:* Đại học Huế; AUN-QA; Chương trình đào tạo; Đảm bảo chất lượng; Quy trình.

## 1. Đặt vấn đề

Nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) nhằm đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan và tiến đến kiểm định trong nước và quốc tế là nhiệm vụ thường xuyên liên tục của các cơ sở đào tạo. Để thực hiện được điều này, các cơ sở đào tạo cần có một quy trình đảm bảo chất lượng (ĐBCL) nội bộ (hay còn gọi là đảm bảo chất lượng bên trong) rõ ràng, có mục đích, mang tính toàn diện, tích hợp, và liên tục để điều chỉnh tất cả các hoạt động của đơn vị và hướng đến một nền văn hóa chất lượng trong giáo dục.

ĐBCL bên trong được hiểu là một quy trình được tiếp nối bởi việc ra quyết định, lập kế hoạch chất lượng, thực hiện và kiểm tra, cải tiến và cuối cùng là chuẩn bị cho đánh giá tiếp theo.

Năm 2015, AUN-QA ban hành bộ tiêu chuẩn đánh giá chương trình đào tạo (phiên bản 3) với nội dung được thiết kế rõ ràng, cụ thể mà cách thức quản trị giáo dục đại học ở Việt Nam dễ dàng tiếp cận. Tuy nhiên, bộ tiêu chuẩn này cũng đặt ra những yêu cầu quan trọng đòi hỏi các trường đại học Việt Nam phải có những điều chỉnh trong các hoạt động cơ bản của một trường đại học như: các hoạt động phải được xác định và dựa trên các chuẩn mực, phải được đánh giá, cải thiện, hướng đến nhu cầu của các bên liên quan và có sự đối sánh với các trường đại học, các chương trình trong nước và quốc tế.

\* Tác giả liên hệ. ĐT.: 84-905153333.  
Email: gianghueuni@gmail.com

Đại học Huế là cơ sở đào tạo hai cấp, gồm 8 trường thành viên, 2 khoa trực thuộc và 1 phân hiệu. Tổng số CTĐT đại học của Đại học Huế là trên 110 chương trình, phục vụ đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho khu vực Miền Trung, Tây Nguyên và cả nước. Tầm nhìn của Đại học Huế đến năm 2030 sẽ trở thành một trong những đại học hàng đầu tại Đông Nam Á. Năm 2016, trong bảng xếp hạng của Webometrics Ranking of World's Universities, Đại học Huế đứng ở vị trí số 4 của Việt Nam và 301 ở Châu Á.

Để đạt được được tầm nhìn trên, Đại học Huế cần những công cụ, chính sách đúng đắn về phát triển giáo dục và đào tạo, trong đó quan trọng nhất là chính sách về ĐBCL.

Bài báo này sẽ trình bày kết quả nghiên cứu và đề xuất quy trình ĐBCL chương trình đào tạo của Đại học Huế theo tiêu chuẩn AUN-QA dựa trên nguồn lực hiện có, nhằm giúp các CTĐT theo hướng chuẩn hóa, đồng bộ hóa và tiến đến kiểm định khu vực Đông Nam Á.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi áp dụng phương pháp nghiên cứu tình huống (case study) tức là áp dụng hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn AUN-QA phiên bản 3 để xây dựng quy trình ĐBCL chương trình đào tạo thông qua việc: Nghiên cứu nội dung các CTĐT, tự đánh giá chất lượng cơ sở đào tạo, đánh sát ý kiến phản hồi của người học đánh giá giảng viên về hoạt động giảng dạy, sinh viên tốt nghiệp đánh giá CTĐT toàn khóa học, chiến lược phát triển ĐBCL Đại học Huế giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn 2030, chiến lược phát triển ĐHH 2015-2020 và tầm nhìn 2030, và các báo cáo tự đánh giá cơ sở đào tạo của một số trường thành viên Đại học Huế.

Nghiên cứu định tính là phỏng vấn chọn mẫu, cụ thể người học, nhà tuyển dụng và lãnh đạo đơn vị về chương trình đào tạo để thu thập thông tin cần thiết cho việc đưa ra giải pháp xây dựng quy trình.

## 3. Kết quả phân tích và thảo luận

### 3.1. Khái niệm giáo dục dựa vào đầu ra (Outcome based education - OBE)

#### 3.1.1. Khái niệm OBE

Theo Eldeeb và Shatakumari<sup>1</sup> (2013) OBE là một cách tiếp cận giáo dục trong việc lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá chương trình dạy học chứ không chỉ được áp dụng một khía cạnh riêng lẻ nào đó trong chương trình dạy học. OBE cam kết đào tạo chất lượng cao cho sinh viên dựa vào việc đạt được đầu ra đã được xác định một cách rõ ràng có đề cập đến sự phù hợp với mức độ trưởng thành, đảm bảo học tập tích cực và học tập dựa vào kinh nghiệm của người học. OBE cung cấp cho người học đích đến của hành trình giáo dục trước quá trình đào tạo.

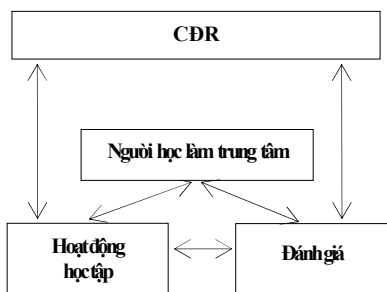
Khái niệm OBE được Toker<sup>2</sup> (2004) đưa ra: đó là một quy trình liên quan đến điều chỉnh chương trình dạy học, đánh giá và báo cáo đáp ứng thực tiễn giáo dục nhằm đạt được đầu ra và làm chủ tri thức chất lượng cao chứ không phải là sự tích lũy chứng chỉ của khóa học.

Như vậy, khái niệm OBE được mô tả theo Sơ đồ 1 cho thấy rằng chương trình dạy học luôn luôn lấy người học làm trung tâm. Các nhân tố chính liên quan đến người học bao gồm đầu tiên là CDR (là những tuyên bố cụ thể những gì sinh viên có thể thực hiện được sau khi kết thúc chương trình đào tạo), hoạt động học tập (là các phương pháp dạy và học mà giảng viên sử dụng nhằm đạt được CDR; sinh viên sẽ biết chính xác tại sao họ được yêu cầu tham gia vào hoạt động dạy và học nhất định trong các khóa học của họ) và đánh giá (là một quá trình liên tục nhằm cải thiện học tập của sinh viên bằng cách đo kết quả học tập mà họ đã đạt được; sự phản hồi sẽ được đưa ra cho

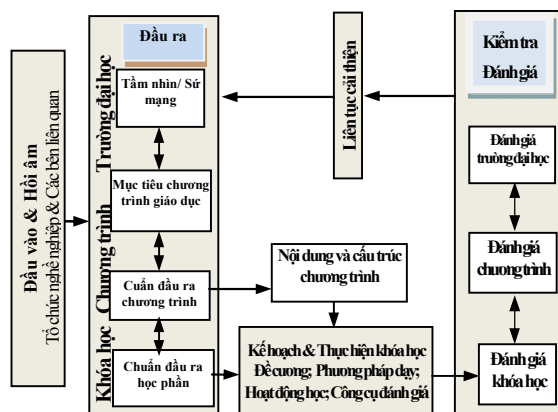
<sup>3</sup> Outcome Based Education (OBE) - Trend Review, IOSR Journal of Research & Method, (IOSR-JRME, e-ISSN: 2320-7388,p-ISSN: 2320-737X Volume 1, Issue 2 (Mar. - Apr. 2013),

<sup>4</sup> Outcomes-focused Education in Universities. Learning Support Network, Curtin University of Technology. Retrieved October 19, 2004, from <http://lsn.curtin.edu.au/outcomes/docs/LitReview.pdf>.

sinh viên biết những gì họ cần thực hiện để đạt được điểm học tập tốt hơn). Hoạt động đánh giá, dạy và học được thiết kế tương thích có định hướng với CDR.



Sơ đồ 1. Khái niệm OBE.  
(Nguồn: AUN-QA at program level)



Sơ đồ 2. Mô hình OBE.  
(Nguồn: AUN-QA at program)

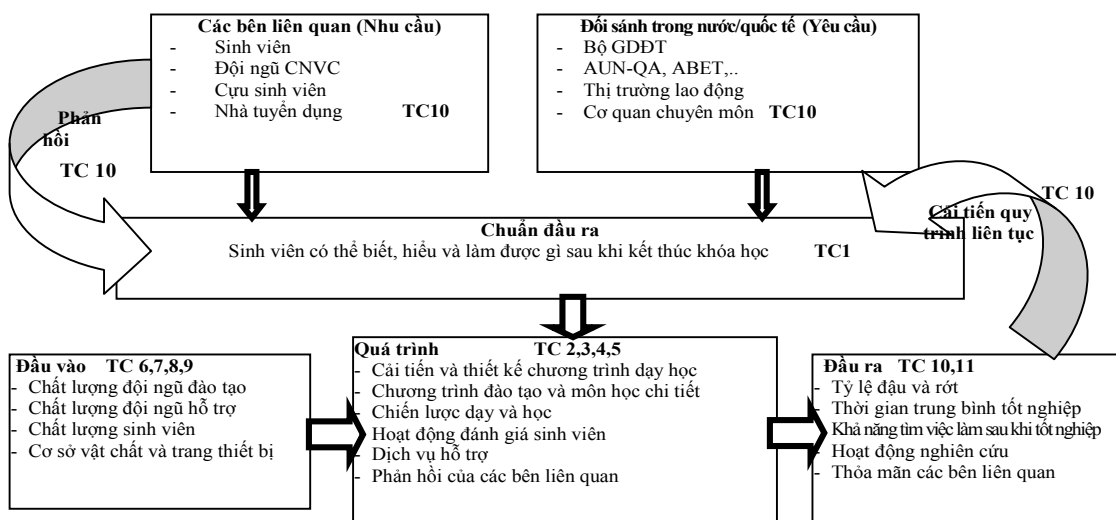
### 3.1.2. Mô hình OBE

Mô hình OBE tại Sơ đồ 2 cho thấy xuất phát điểm là những yêu cầu của tổ chức nghề nghiệp và các bên liên quan, nhà trường xây dựng sứ mạng, tầm nhìn và CDR của chương trình và khóa học. Dựa vào CDR, chương trình sẽ được xây dựng về nội dung và cấu trúc. Từ cấu trúc và nội dung chương dựa vào CDR để xây dựng đề cương, thiết kế phương pháp dạy và học, xây dựng công cụ đánh giá. Tất cả các hoạt động sẽ được đánh giá và cải tiến liên tục.

## 4. Mô hình đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn AUN-QA

Từ mô hình OBE, AUN-QA đã xây dựng tiêu chí đảm bảo chất lượng bên trong cho chương trình đào tạo nhằm không ngừng duy trì và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo cho các cơ sở đào tạo.

Mối liên hệ giữa các yếu tố tại Sơ đồ 3 chỉ ra nội dung của mô hình ĐBCL cấp chương trình đào tạo được thể hiện trong 11 tiêu chuẩn (TC) ĐBCL như sau:



Sơ đồ 3. Mối quan hệ tiêu chuẩn và mô hình ĐBCL.  
Nguồn AUN-QA at level program

CĐR tương ứng với tiêu chuẩn 1;

Đảm bảo chất lượng đầu vào (Chất lượng đội ngũ đào tạo, đội ngũ hỗ trợ, chất lượng sinh viên, cơ sở vật chất và trang thiết bị) tương ứng với một số tiêu chí của tiêu chuẩn 6, 7, 8, 9;

Đảm bảo chất lượng quá trình (Bản mô tả chương trình, cấu trúc và nội dung chương trình, chiến lược dạy và học, đánh giá sinh viên, dịch vụ hỗ trợ sinh viên, phản hồi của các bên liên quan) tương ứng với các tiêu chí của tiêu chuẩn 2, 3, 4, 5, 10;

Đảm bảo chất lượng đầu ra (Tỉ lệ đậu và rớt, thời gian trung bình tốt nghiệp, khả năng tìm việc làm sau khi tốt nghiệp, hoạt động nghiên cứu, thỏa mãn các bên liên quan) tương ứng với một số tiêu chí của tiêu chuẩn 10, 11;

Nhu cầu các bên liên quan tương ứng với tiêu chuẩn 10;

Đối sánh trong nước và quốc tế tương ứng với tiêu chuẩn 10.

## 5. Thực trạng đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo tại Đại học Huế

Đại học Huế (ĐHH) hiện nay đã có hơn 110 CTĐT đại học (trong đó có 02 CTĐT tiên tiến là: CTĐT tiên tiến Kinh tế nông nghiệp - Tài chính của trường đại học Kinh tế (nhập khẩu chương trình đào tạo của Đại học Sydney - Úc), CTĐT tiên tiến Vật lý của trường Đại học Sư phạm (nhập khẩu chương trình đào tạo của Đại học Virginia - Hoa Kỳ). Hầu hết các CTĐT này đều được chuyển từ đào tạo niên chế sang đào tạo tín chỉ theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT). Việc chuyển đổi này là nỗ lực rất lớn của các đơn vị trong việc thực hiện nghiêm túc quy định về xây dựng CTĐT theo quy trình đào tạo tín chỉ. Tuy nhiên, qua các đợt kiểm tra công tác tự đánh giá cơ sở đào tạo và phỏng vấn một số nhà quản lý các đơn vị đào tạo thành viên, chúng tôi thấy một số thực trạng của CTĐT còn tồn tại những hạn chế như sau:

Việc chuyển đổi từ quy trình đào tạo niên chế sang quy trình đào tạo tín chỉ mới mang tính chất “cơ học”;

Xây dựng CTĐT dựa vào CĐR còn sơ sài và thiếu nhiều công đoạn thực hiện theo đúng trình tự của hoạt động xây dựng/điều chỉnh;

CĐR của CTĐT còn chung chung, chưa cụ thể hóa để người học và các bên liên quan khác làm rõ được năng lực của cử nhân/ kỹ sư/ bác sĩ đạt chuẩn theo yêu cầu của ngành nghề; mối liên hệ giữa CĐR của CTĐT với các học phần trong CTĐT nhìn chung chưa được xác định;

Việc điều chỉnh CTĐT theo CĐR và tiệm cận với CTĐT tiên tiến trong nước và quốc tế chưa được thực hiện theo định kì;

Xây dựng CTĐT chưa tham chiếu với các tiêu chí kiểm định trong nước và khu vực vì vậy việc tự đánh giá và kiểm định CTĐT gặp khó khăn;

Chiến lược dạy và học để đạt CĐR hầu hết chưa được đề cập tại các buổi đầu tiên của môn học;

Kiểm tra đánh giá sinh viên theo CĐR chưa được chú trọng, hình thức và nội dung kiểm tra đánh giá nhìn chung ít bám sát các yêu cầu của CĐR của chính học phần đó cũng như của toàn bộ CTĐT;

Việc tổ chức các hoạt động ĐBCL trong các hoạt động khảo thí theo hướng quản lý theo sản phẩm đầu ra với các giải pháp cụ thể chưa được thực hiện;

Cơ sở vật chất, trang thiết bị và học liệu chưa được bổ sung kịp thời tương xứng với yêu cầu đặt ra;

Mặc dù đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên có trình độ chuyên môn cao nhưng chưa có lộ trình phát triển cả bề rộng lẫn chiều sâu;

Các nguồn lực tài chính phục vụ cho sự phát triển của chương trình chưa được phân bổ cụ thể theo các hạng mục để duy trì tính bền vững về tài chính cho chương trình.

## 6. Quy trình đảm bảo chất lượng các chương trình trọng điểm của Đại học Huế theo tiêu chuẩn AUN-QA

Đại học Huế là thành viên liên kết tổ chức AUN-QA, sự kiện này cũng là cơ hội cho ĐHH có thể được đánh giá và công nhận đạt chuẩn

chất lượng CTĐT theo tiêu chuẩn của tổ chức này. Bên cạnh đó, ĐHH cũng đối mặt với những thách thức khi tham gia đánh giá CTĐT như: cách thức xây dựng và đảm bảo chất lượng CDR, đảm bảo chất lượng đầu vào, đảm bảo chất lượng quá trình, đảm bảo chất lượng đầu ra, cơ chế thu thập thông tin phản hồi nhu cầu các bên liên quan. Với những hợp phần ĐBCL cho CTĐT đã đề cập, tác giả đề xuất quy trình ĐBCL cho các CTĐT của Đại học Huế bao gồm các hợp phần như sau:

6.1. Quy trình xây dựng chuẩn đầu ra

AUN-QA chỉ đưa ra những tiêu chuẩn “mở” nhằm đánh giá để đảm bảo chất lượng CTĐT. Tổ chức này không khuyến cáo các trường đại học xây dựng CTĐT theo một mô hình hay tổ chức nào đưa ra mà chỉ quan tâm CTĐT được đảm bảo chất lượng có đáp ứng theo yêu cầu của họ hay không. Vì vậy, quy trình ĐBCL CDR bao gồm:

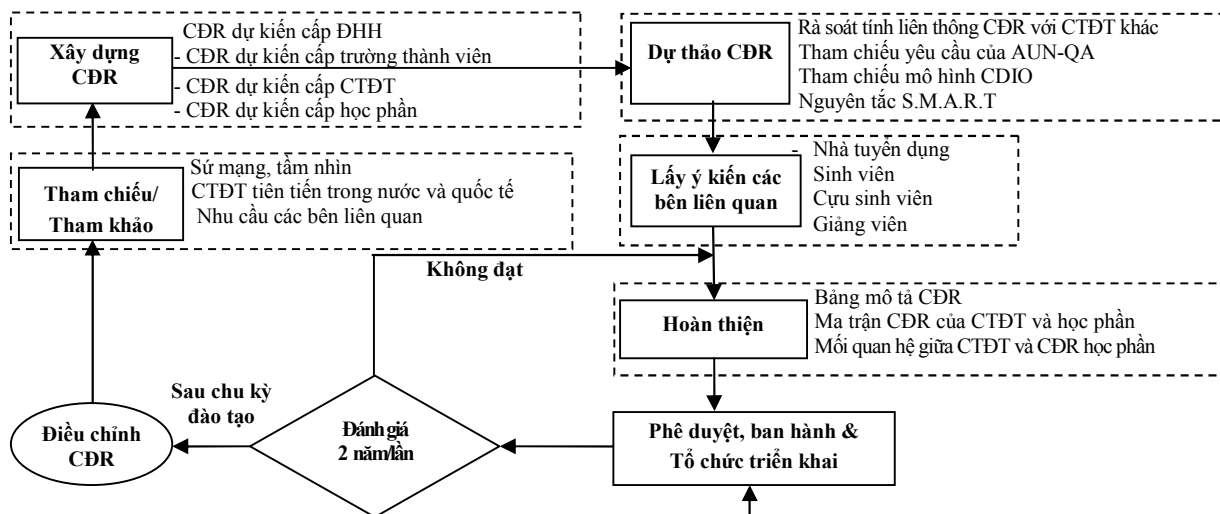
*Giai đoạn 1: Rà soát những tồn tại:* Rà soát CDR theo các tiêu chí như: sự rõ ràng, ngắn

gọn và có thể đo lường được; bản mô tả như: định vị nghề nghiệp, nêu rõ kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành; các kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm, đạo đức cần đạt được sau khi tốt nghiệp; định hướng cách học và khả năng học tập suốt đời cho người học.

*Giai đoạn 2: Đối sánh với mô hình ĐBCL của AUN-QA:* Nhu cầu của các bên liên quan được xây dựng bởi chuẩn đầu ra định hướng vào CTĐT, cách thức lồng ghép CDR vào CTĐT, phương pháp dạy - học và việc đánh giá sinh viên nhằm đạt được CDR.

*Giai đoạn 3: Xác định nội hàm CDR:* Chuẩn đầu ra được xác định rõ ràng và được thể hiện trong chương trình đào tạo; chương trình đào tạo khích lệ việc học tập suốt đời; chuẩn đầu ra bao trùm được các kỹ năng và các kiến thức chung cũng như các kỹ năng và kiến thức chuyên ngành; chuẩn đầu ra phản ánh rõ ràng các yêu cầu của các bên liên quan theo các tiêu chuẩn AUN-QA.

*Giai đoạn 4: Thiết lập quy trình xây dựng CDR:* Quy trình này có 7 bước như Sơ đồ 4.



Sơ đồ 4. Quy trình xây dựng CDR.

*Bước 1:* Tham chiếu vào sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường, tham khảo kết quả khảo sát nhu cầu thị trường lao động, xu hướng phát triển của ngành đào tạo, kết quả nghiên cứu các CTĐT tiên tiến trong và ngoài nước, khoa đề

nghị Ban Giám hiệu cho phép xây dựng CDR của CTĐT;

*Bước 2:* Hội đồng xây dựng CDR của khoa tiến hành xây dựng CDR của CTĐT bao gồm CDR dự kiến cấp Đại học Huế, CDR dự kiến

cấp trường thành viên, CDR dự kiến cấp CTĐT và CDR dự kiến cấp học phần;

**Bước 3:** Hội đồng viết dự thảo CDR trong đó nghiên cứu các chương trình đào tạo hiện hành của ngành, tham chiếu mô hình CDIO, tham chiếu yêu cầu của AUN-QA, đề xuất các ý kiến tham khảo chuyên gia, đề xuất các kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức và năng lực tương ứng với ngành đào tạo để có danh mục chuẩn đầu ra của ngành (Dự thảo CDR 1) hướng tới sản phẩm đào tạo cụ thể; CDR phải đảm bảo nguyên tắc S.M.A.R.T (Specific: Cụ thể - Measurable: Đo lường được - Attainable: Đạt được - Relevant: Thực tế - Time: Thời gian hoàn thành); mức độ đạt được của CDR phải dựa vào tháp phân loại tư duy của Bloom;

**Bước 4:** Trên cơ sở dự thảo CDR 1, khoa tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan;

**Bước 5:** Căn cứ thông tin thu thập đã được phân tích và đánh giá, Hội đồng hoàn thiện Dự thảo CDR 1 để hoàn thiện CDR;

**Bước 6:** Đại học Huế phê duyệt, đơn vị thành viên ban hành CDR và khoa tổ chức triển khai;

**Bước 7:** Tự đánh giá CDR theo quy định 2 năm/lần và sau chu kỳ đào tạo.

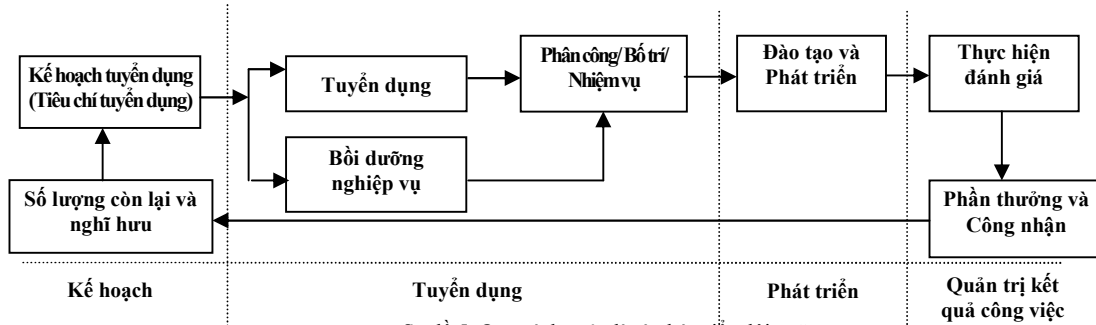
## 6.2. Quy trình đảm bảo chất lượng đầu vào

**Giai đoạn 1: Rà soát những tồn tại:** Rà soát lại số lượng và chất lượng đội ngũ nhân sự (giảng viên, nghiên cứu viên và nhân viên phục vụ); kế hoạch và kết quả phát triển nguồn nhân lực; kiểm tra cơ sở dữ liệu đánh giá nguồn nhân lực, chất lượng người học, cơ sở vật chất phục vụ chương trình.

**Giai đoạn 2: Đối sánh với yêu cầu ĐBCL bên trong của AUN-QA:** Đối sánh các yếu tố đầu vào của CTĐT với yêu cầu của AUN-QA như: Số lượng và trình độ bằng cấp, quản lý nhân sự, sinh viên nhập học, khối lượng học tập, hướng dẫn và tư vấn, biện pháp ngăn ngừa việc tốt nghiệp không đúng hạn, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, phương tiện và công cụ hỗ trợ giảng dạy.

**Giai đoạn 3: Xây dựng quy trình ĐBCL đầu vào:** Quy trình này bao gồm: quy trình quản lý và phát triển nhân sự, quản lý sinh viên, phát triển cơ sở vật chất và trang thiết bị.

+ **Quy trình quản lý và phát triển nhân sự:** Kết quả theo Sơ đồ 5 với 4 bước: Lập kế hoạch, tuyển dụng, phát triển và quản trị kết quả công việc.



Sơ đồ 5. Quy trình quản lý và phát triển đội ngũ.

Nguồn: AUN-QA at program level

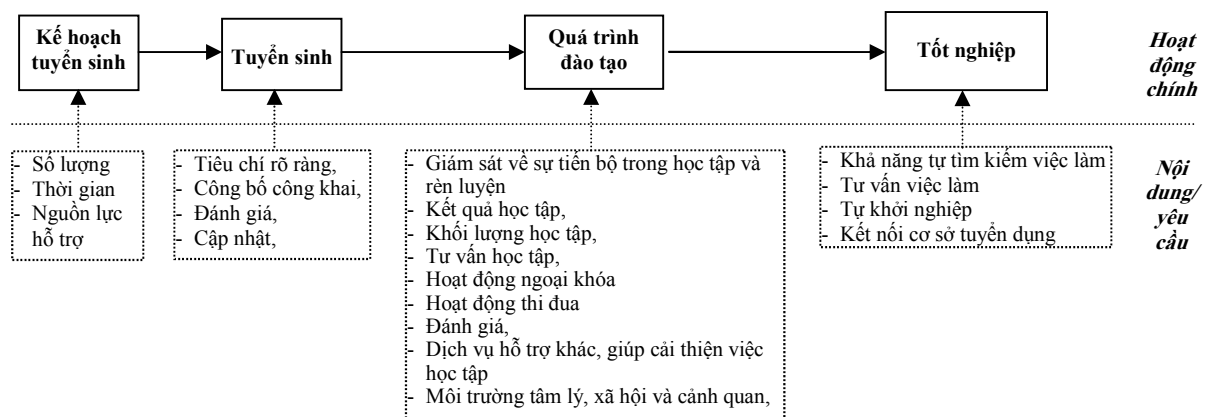
**Quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên:** Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng; các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên để bổ nhiệm, điều chuyển được

xác định và phổ biến công khai; năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá; nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó; quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên được triển khai để tạo động lực và hỗ

trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng; các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

+ Quy trình ĐBCL sinh viên: Quy trình ĐBCL sinh viên nhằm giúp nhà trường quản lý và cập nhật được tình trạng sinh viên của nhà trường một cách liên tục, quy trình tại Sơ đồ 6 bao gồm: Tuyển sinh với các tiêu chí xác định rõ ràng, được công bố công khai, được đánh giá

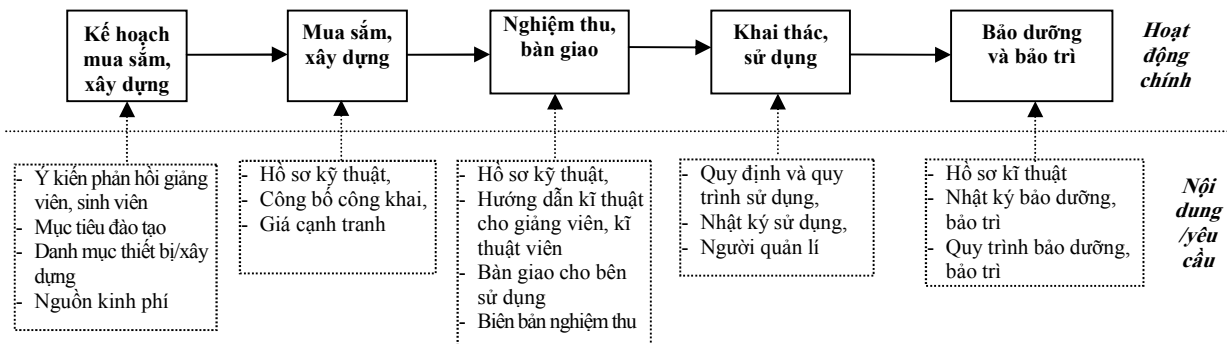
và được cập nhật; hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học; tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập; các tiêu chí về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học; khả năng có việc làm của người học, tư vấn việc làm, tự khởi nghiệp, kết nối cơ sở tuyển dụng.



Sơ đồ 6. Quy trình ĐBCL sinh viên.

Quy trình ĐBCL cơ sở vật chất và trang thiết bị: ĐBCL cơ sở vật chất (CSVC) và trang thiết bị nhằm đảm bảo cho tất cả các bên liên quan bên có thể tiếp cận và khai thác theo đúng quy trình và quy định của nhà trường; quy trình này được xây dựng cho các hạng mục cơ sở vật chất và trang thiết bị đã có của nhà trường như: hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng; thư viện và các nguồn học

liệu (phù hợp và được cập nhật); phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị (phù hợp và được cập nhật); hệ thống công nghệ thông tin (phù hợp và được cập nhật); hệ thống tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn cho sinh viên và giảng viên (lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật). Quy trình ĐBCL CSVC được mô tả theo Sơ đồ 7 như sau:



Sơ đồ 7. Quy trình ĐBCL CSVC.

**Bước 1: Xây dựng kế hoạch mua sắm, xây dựng:** Thu thập ý kiến giảng viên sinh viên và giảng viên về nhu cầu mua sắm/xây dựng thiết bị/sách/xây dựng phòng học; thiết kế danh mục thiết bị/sách/xây dựng cần mua sắm/xây dựng; bố trí nguồn kinh phí;

**Bước 2: Mua sắm/xây dựng:** Thiết kế hồ sơ kỹ thuật mua sắm/xây dựng; công khai hồ sơ theo quy định; giá lựa chọn là giá cạnh tranh (không phải là thấp nhất);

**Bước 3: Nghiệm thu và bàn giao:** Hồ sơ kỹ thuật thiết bị/xây dựng hoặc danh mục sách; hướng dẫn kỹ thuật cho giảng viên, kỹ thuật viên liên quan; bàn giao cho bên sử dụng; biên bản nghiệm thu;

**Bước 4: Khai thác, sử dụng:** Thiết lập quy định và quy trình sử dụng thiết bị, ghi nhật ký sử dụng, đào tạo và bố trí cán bộ quản lý thiết bị/phòng học;

**Bước 5: Bảo dưỡng và bảo trì:** Nghiên cứu hồ sơ kỹ thuật thiết bị; thiết lập nhật ký bảo dưỡng bảo trì; thiết lập quy trình bảo dưỡng, bảo trì.

### 6.3. Quy trình đảm bảo chất lượng quá trình

**Giai đoạn 1: Rà soát những tồn tại:** Công việc rà soát bao gồm: Bản đặc tả của CTĐT, cấu trúc và nội dung CTĐT, hoạt động đánh giá người học, ĐBCL trong suốt quá trình xây dựng CTĐT, quá trình dạy và học.

**Giai đoạn 2: Đối sánh với yêu cầu ĐBCL bên trong của AUN-QA:** Đối sánh về nội dung, cấu trúc CTĐT, phương pháp giảng dạy của giảng viên, hoạt động nghiên cứu của sinh viên, mô tả phần thực tập, thực hành của chương trình, thiết kế chương trình dạy học, kiểm tra và đánh giá.

**Giai đoạn 3: Xây dựng quy trình ĐBCL nội dung, cấu trúc CTĐT:** Nội dung và cấu trúc của CTĐT được mô tả tóm tắt bằng hai ma trận nhằm giúp cho sinh viên biết được mối quan hệ giữa các học phần cũng như CĐR mà mình phải đạt được. Cốt lõi của quy trình này là bản mô tả, cấu trúc và nội dung CTĐT.

+ Bản mô tả CTĐT: Bản mô tả CTĐT là tài liệu cung cấp thông tin về CTĐT của nhà

trường, là nguồn thông tin giúp các bên liên quan hiểu về CTĐT. Tùy theo đặc thù của từng trường có thể xây dựng bản mô tả CTĐT và học phần. Bản mô tả CTĐT thường bao gồm: Tóm tắt mục tiêu đào tạo và kết quả học tập dự kiến, cấu trúc khoá học, ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình, các bản mô tả học phần.

+ Cấu trúc và nội dung CTĐT: Việc xây dựng cấu trúc và nội dung được thiết kế phù hợp với phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá người học góp phần hỗ trợ việc đạt được các chuẩn đầu ra; công khai minh bạch nhằm giúp cho người học và các bên liên quan khác có thể hiểu và lựa chọn cho việc học của mình. Nội dung cốt lõi là thiết kế ma trận theo hướng dẫn của AUN-QA tại Bảng 1 và Bảng 2 như sau:

Bảng 1. Ma trận chương trình đào tạo

STT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Đầu ra 1	Đầu ra 2	Đầu ra 3
1		HP 1	3	?	?	?
2		HP 2	3	?	?	?
3		HP n	3	?	?	?

Nguồn: AUN-QA at program level

Bảng 2. Mối quan hệ giữa chương trình đào tạo và CĐR của học phần

STT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Đầu ra 1	Đầu ra 2	Đầu ra 3
<i>Kỹ năng chuyên ngành</i>						
1		HP 1	3	RAE?	RAE?	RAE?
2		HP 2	3	RAE?	RAE?	RAE?
3		HP n	3	RAE?	RAE?	RAE?

Nguồn: AUN-QA at program level

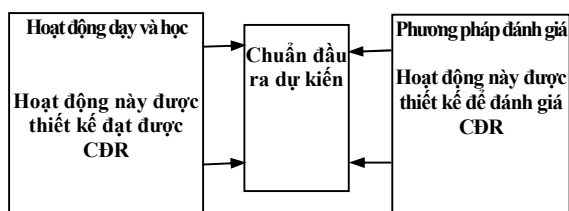
Bảng phân loại tư duy của Bloom với các ký hiệu như: R: Nhớ/Hiểu, A: Ứng dụng/Phân tích, E: Đánh giá/Sáng tạo.

**Giai đoạn 4: Xây dựng phương pháp tiếp cận dạy và học:** Việc thiết kế chương trình dạy học sao cho trong đó các phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá sinh viên, góp phần hỗ trợ cho sinh viên đạt được CĐR. Biggs (2003) gọi tiến trình này là “kiến tạo có định hướng” (constructive alignment). “Kiến tạo” (Constructive) có nghĩa là sinh viên xây dựng



kiến thức dựa trên các hoạt động dạy và học có liên quan. “Định hướng” (Alignment) để chỉ hoạt động dạy và học; hoạt động kiểm tra, đánh giá người học được xây dựng đều có định hướng nhằm đảm bảo việc đạt được chuẩn đầu ra. “Kiến tạo có định hướng” liên quan đến cả các hoạt động như: xây dựng CĐR có thể đo được; lựa chọn các phương pháp dạy và học được định hướng để đạt được CĐR.

Vì vậy, để đảm bảo sinh viên tiếp cận được nó khi xây dựng quy trình thì cần thực hiện hai giai đoạn theo Sơ đồ 8 như sau:



Sơ đồ 8. Phương pháp tiếp cận dạy và học.

Nguồn: AUN-QA at program level

**Bước 1:** Xác định CĐR cho sinh viên có thể tiếp cận được;

**Bước 2:** Hoạt động dạy và phương pháp đánh giá được thiết kế và thực hiện tương thích với CĐR này.

Tùy theo môn học và CĐR đã xây dựng giảng viên cần xây dựng phương án tiếp cận dạy và học theo các hình thức phổ biến như: hướng dẫn trực tiếp, hướng dẫn gián tiếp, học tập kinh nghiệm, tương tác, tự học...

**Giai đoạn 5: Đánh giá học tập sinh viên:** Đánh giá sinh viên thường thực hiện theo hai giai đoạn cụ thể là: đánh giá tiến trình (formative assessment) và đánh giá tổng kết (Summative assessment), tùy theo quy định của nhà trường, giảng viên có thể xây dựng tỉ trọng cho hai loại đánh giá, ví dụ: 40% là trọng số điểm tiến trình và 60% là trọng số điểm tổng kết.

Khi xây dựng bài kiểm tra, tùy theo đặc thù môn học, giảng viên có thể áp dụng ít nhất một phương pháp trong các loại hình kiểm tra đánh giá như sau: Bảng hỏi, bài kiểm tra ngắn, bài luận, kiểm tra miệng, kiểm tra giấy, kiểm tra thực địa, xây dựng dự án, kiểm tra thực hành,

viết luận văn, thuyết trình, triển lãm, nghiên cứu tình huống, thiết kế áp phích, bài báo.

#### 6.4. Quy trình đảm bảo chất lượng đầu ra

**Giai đoạn 1: Rà soát những tồn tại:** Bao gồm cơ sở dữ liệu về tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng; cơ sở dữ liệu về thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng; tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng; loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng; mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

**Giai đoạn 2: Đối sánh với yêu cầu ĐBCL bên trong của AUN-QA:** Đối sánh theo các nội dung như: Kết quả đầu ra (sinh viên tốt nghiệp), thống kê số sinh viên chưa có việc làm, mối liên hệ với sinh viên đã tốt nghiệp, tỉ lệ tốt nghiệp và tỉ lệ thôi học, thời gian trung bình của khóa đào tạo, chi phí tính trên một sinh viên.

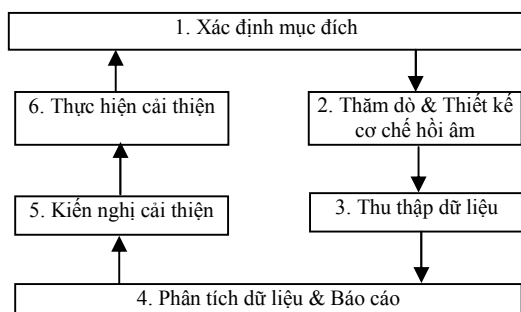
**Giai đoạn 3: Xây dựng công cụ kiểm tra đánh giá sinh viên:** Nhằm kiểm tra và đánh giá tình hình sinh viên trong quá trình đào tạo và tình hình sinh viên tốt nghiệp, nhà trường cần xây dựng một số công cụ ĐBCL để xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng dạy và học như: tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp; thời gian tốt nghiệp trung bình; tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp; loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu; mức độ hài lòng của các bên liên quan; kết quả nghiên cứu khoa học; cơ chế phản hồi của các bên liên quan.

#### 6.5. Phản hồi nhu cầu các bên liên quan

**Giai đoạn 1: Rà soát những tồn tại:** Rà soát lại quy trình và hình thức thu thập ý kiến của các đối tượng liên quan đến chương trình.

**Giai đoạn 2: Đối sánh với yêu cầu ĐBCL bên trong của AUN-QA:** Thu thập ý kiến sinh viên, cựu sinh viên, ý kiến thị trường lao động, ý kiến xã hội, ý kiến nhà quản lí, giảng viên và nhân viên.

Giai đoạn 3: Quy trình thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan: Theo Sơ đồ 9 bao gồm 6 bước.



Sơ đồ 9. Quy trình thu thập thông tin phản hồi.

Nguồn: AUN-QA at program level

Để đạt được kết quả hồi âm đáng tin cậy, nhà trường nên xây dựng cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống và đa dạng hóa các hình thức khảo sát như: Khảo sát (Khảo sát trực tiếp, khảo sát bằng thư tín, khảo sát điện tử/internet, phỏng vấn điện thoại), nghiên cứu quan sát, thảo luận nhóm, đối thoại, và hệ thống khuyến nghị/than phiền.

## 7. Kết luận

Áp dụng bộ tiêu chuẩn đánh giá chương trình đào tạo theo AUN-QA trong đảm bảo và kiểm định chất lượng giúp cho nhà trường có cái nhìn toàn diện về chất lượng CTĐT của mình để có những hành động cụ thể nhằm cải tiến chương trình đào tạo, xác định được vị thế của chương trình đào tạo trong khu vực Đông Nam Á; bộ tiêu chuẩn này không tập trung vào những đặc trưng riêng của từng chuyên ngành mà tập trung đánh giá những điều kiện để đảm bảo chất lượng đào tạo của một chương trình đào tạo. Vì vậy, bộ tiêu chuẩn này là phù hợp với một cơ sở đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực như Đại học Huế. Để áp dụng một cách hiệu quả và thống nhất trong Đại học Huế thì cần có một quy trình đảm bảo chất lượng với những hợp phần như: đảm bảo chất lượng chuẩn đầu ra, chất lượng đầu vào, chất lượng quá trình, chất lượng đầu ra và lượng việc phản hồi từ nhu cầu các bên liên quan. Do đó, quy trình đã được

đề xuất này sẽ giúp cho Đại học Huế dễ dàng tiếp cận, dễ thao tác và sẽ rút ngắn thời gian thực hiện. Tuy nhiên, để sử dụng rộng rãi quy trình này trong toàn Đại học Huế, trước tiên nó nên được áp dụng dùng để đảm bảo chất lượng các chương trình trọng điểm, tiếp đến sẽ áp dụng cho các chương trình còn lại.

Ngoài ra, nghiên cứu này cũng là kênh tham khảo cho giảng viên trong việc xây dựng/điều chỉnh bài giảng của mình phù hợp với xu thế hội nhập trong nước và quốc tế.

## Tài liệu tham khảo

- [1] AUN-QA, 2015, Manual for the implementation of the guideline (Version 3), Bangkok - Thailand.
- [2] Chavalit Wongse-ek, 2015, AUN-QA at program level, AUN-QA, Bangkok – Thailand.
- [3] Department of Educational Development, 2010, CDIO, <http://www.sp.edu.sg/wps/portal/vp-spws>
- [4] Giám đốc Đại học Huế, Quy định về Đảm bảo chất lượng Đại học Huế, Đại học Huế, Huế -Việt Nam, 2016.
- [5] Giám đốc Đại học Huế, Kế hoạch chiến lược Đại học Huế giai đoạn 2016-2010 tầm nhìn 2030, Đại học Huế, Huế -Việt Nam, 2016.
- [6] Lê Văn Hào, Xây dựng chương trình đào tạo và tổ chức hoạt động kiểm tra đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra, Hội thảo ĐBCL, Đại học KHXH&NV, TP Hồ Chí Minh - Việt Nam, 2014.
- [7] Nguyễn Hồng Giang, Hoàng Hữu Hòa, Hoàng Kim Toàn, Chuẩn hóa hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của Đại học Huế nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và hướng đến hội nhập khu vực, Hội nghị AQUAN, TP Hồ Chí Minh - Việt Nam, 2013.
- [8] Nguyễn Hồng Giang, Lại Xuân Thủy, Nghiên cứu khả năng thích ứng nghề nghiệp của sinh viên tốt nghiệp Đại học Huế đang làm việc tại các công ty Nhật Bản tại Huế, Tạp chí Đông Bắc Á, Hà Nội - Việt Nam, 2014.
- [9] RashaEldeeb and NishaShatakumari, Outcome Based Education (OBE) - Trend.
- [10] Review, e-ISSN: 2320-7388,p-ISSN: 2320-737X Volume 1, Issue 2 (Mar. -Apr. 2013), Ajman, UAE.
- [11] Sái Công Hồng, Lê Thị Linh Giang, Đề xuất quản lý chương trình đào tạo theo cách tiếp cận đảm bảo chất lượng của AUN, Hội thảo ĐBCL,

- Đại học KHXH&NV, TP Hồ Chí Minh - Việt Nam, 2014.
- [12] Trần Doãn Sơn, Nâng cao chất lượng đào tạo bằng chuyển đổi chương trình đào tạo theo hướng CDIO, 2014.
- [13] Tucker, 2004, Outcomes-focused Education in Universities, Learning Support Network, Curtin University of Technology. Retrieved October 19, 2004, <http://lsn.curtin.edu.au/outcomes/docs/LitReview.pdf>

## Quality Assurance Procedure for Training Programs of Hue University in Accordance with AUN-QA

Nguyen Hong Giang<sup>1</sup>, Nguyen Hong Son<sup>2</sup>

<sup>1</sup>*Centre for Quality Assurance of Hue University*

<sup>2</sup>*Law School of Hue University*

**Abstract:** This paper examines the result of the research into training program quality assurance. The author systemized key concepts of quality assurance, expected learning outcomes, assurance procedure and ASEAN University Network - Quality Assurance (AUN-QA) training programs assessment, as well as assessment of the current situation of Hue University training programs. The paper proposes recommendations for Hue University to set up a quality assurance procedure for its training programs. The procedure is to include quality assurance for expected learning outcomes, input, process, output, and stakeholders' feedback. The procedure not only facilitates Hue University in implementing quality assurance for its training programs in times of integration but also helps the University's faculties/departments in building or upgrading their training programs. The research result also assists the staff and lecturers in managing and teaching.

*Keywords:* Hue University, AUN-QA, training program, quality assurance, procedure.